

## BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022 CỦA HUYỆN

(Kèm theo Báo cáo số: 360 /BC-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	ước thực hiện 06 tháng đầu năm	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC KINH TẾ</b>				
1	Giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy sản	Tỷ đồng	5.161	2.778	53,83
2	Tổng mức lưu chuyển hàng hoá và dịch vụ	Tỷ đồng	7.363	3.680	49,98
3	Huy động vốn đầu tư phát triển/tổng giá trị sản xuất	%	9,1	4,6	50,55
4	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	82.150	67.504	82,17
5	Diện tích cánh đồng lớn/ diện tích sản xuất lúa	%	76	56	73,68
6	Diện tích cánh đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm	Ha	16.200	10.610	65,49
7	Diện tích cây màu	Ha	1.600	945	59,06
8	Diện tích cây ăn trái	Ha	550	628	<b>114,18</b>
9	Số hợp tác xã trên địa bàn huyện hoạt động khá	%	73	Chưa đánh giá	
<b>II</b>	<b>XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>				
10	Các xã: An Long, Phú Hiệp, Phú Thành A	Xã	Được công nhận xã NTM	Chưa đánh giá	
11	Các xã còn lại			Chưa đánh giá	
-	Xã Phú Cường	Xã	Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM nâng cao		
-	Các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới (An Hòa, Hòa Bình, Phú Đức, Phú Thọ, Tân Công Sính và Phú Ninh)	Xã	Duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí NTM đã đạt		
-	Xã Phú Thành B	Tiêu chí	Phấn đấu đạt thêm ít nhất 02 tiêu chí NTM		
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC VĂN HOÁ - XÃ HỘI</b>				
12	Dân số tham gia BHYT	%	96,39	87,16	90,42
13	Tăng số trường đạt chuẩn quốc gia so với năm 2021	Trường	2	2	<b>100,00</b>
14	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới	%	90	Chưa đánh giá	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	ước thực hiện 06 tháng đầu năm	Tỷ lệ (%)
15	Thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh	%	100	Chưa đánh giá	
16	Ấp đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới	%	94	Chưa đánh giá	
17	Khóm đạt chuẩn đô thị văn minh	%	80	Chưa đánh giá	
18	Lao động qua đào tạo	%	69	68,04	98,61
	- Đào tạo nghề	%	51	50,57	99,16
19	Dạy nghề nông thôn	Lao động/năm	500	458	91,60
20	Giải quyết việc làm bình quân hàng năm	Lao động/năm	2.000	2.013	<b>100,65</b>
21	Tỷ lệ giảm nghèo (theo chuẩn mới)	%/năm	1,5 đến 2	Chưa đánh giá	
22	Đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	Lao động/năm	100	92	92
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>				
23	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	96,5	96,2	99,69
	- Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	97,5	97,3	
24	Thu gom rác thải trên địa bàn huyện	%	85,1	85,05	99,94
	- Thu gom rác thải đô thị và trung tâm các xã	%	99	99	
	- Thu gom, xử lý rác thải y tế	%	100	100	